

Số: /UBND-GPMT TP. Kon Tum, ngày tháng năm

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ KON TUM

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty TNHH MTV Phương Phong Linh số 287/CV ngày 28 tháng 7 năm 2023 (có hồ sơ kèm theo);

Xét đề nghị của Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Kon Tum tại Tờ trình số 125/TTr-TNMT ngày 07 tháng 8 năm 2023 về việc đề nghị cấp Giấy phép môi trường Dự án: Nhà máy sản xuất thực phẩm, thực phẩm từ dược liệu và thực phẩm từ tảo Spirulina công nghệ cao của Công ty TNHH MTV Phương Phong Linh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty TNHH MTV Phương Phong Linh (địa chỉ: Biệt thự 13-BT1, Khu đô thị Cổ Nhuế - Xuân Đình, Phường Cổ Nhuế, Quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án Nhà máy sản xuất thực phẩm, thực phẩm từ dược liệu và thực phẩm từ tảo Spirulina công nghệ cao, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung:

1.1. Tên dự án đầu tư: Nhà máy sản xuất thực phẩm, thực phẩm từ dược liệu và thực phẩm từ tảo Spirulina công nghệ cao.

1.2. Địa điểm hoạt động: Một phần Lô N1-19, Khu công nghiệp Sao Mai, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

1.3. Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư của dự án:

Quyết định chủ trương đầu tư số 108/QĐ-BQLKKT ngày 23 tháng 9 năm 2020; Điều chỉnh lần nhất tại Quyết định số 117/QĐ-BQLKKT ngày 12 tháng 10 năm 2020. Điều chỉnh lần thứ 2 tại Quyết định điều chỉnh số 86/QĐ-BQLKKT ngày 14/10/2022 của Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh.

1.4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 5901152913, đăng ký lần đầu ngày 21/8/2020, thay đổi lần thứ nhất ngày 18/02/2021, thay đổi lần thứ hai ngày 21/3/2023.

1.5. Mã số thuế: 5901152913.

1.6. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất thực phẩm, thực phẩm từ dược liệu và thực phẩm từ tảo Spirulina công nghệ cao.

1.7. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư/cơ sở:

- Diện tích đất sử dụng: 29.011,7 m².

- Công suất thiết kế dự án: 5000 tấn/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

(Có các Phụ lục 1, 2, 3, 4 kèm theo)

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH MTV Phương Phong Linh.

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH MTV Phương Phong Linh có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức

năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm tính từ ngày ký giấy phép.

Điều 4. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Kon Tum tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án, cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Sở TN&MT;
- Công ty TNHH MTV Phương Phong Linh;
- Phòng TN&MT thành phố;
- Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh;
- UBND xã Hòa Bình;
- Cổng Thông tin điện tử thành phố;
- Lưu: VT, MT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Dương Anh Hùng

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /UBND-GPMT ngày/...../2023
của Ủy ban nhân dân thành phố Kon Tum)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nước thải sinh hoạt:

- **Nguồn phát sinh nước thải:** Phát sinh từ các hoạt động sinh hoạt của công nhân (*nấu ăn, tắm giặt, vệ sinh,...*).

- **Lưu lượng xả nước thải tối đa:** 3,52 m³/ngày đêm.

- **Dòng nước thải:** Gồm 01 dòng nước thải sau khi xử lý qua hệ thống bể tự hoại 3 ngăn sau đó đầu nối hệ thống xử lý tập trung của KCN Sao Mai.

- **Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải:** BOD₅, TSS, NH₄⁺, dầu mỡ động thực vật, tổng N, tổng P, coliform.

Giá trị giới hạn cho phép của các chất ô nhiễm áp dụng theo QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cụ thể:

Bảng 14. Giá trị giới hạn các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt

TT	Thông số ô nhiễm	ĐVT	QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B)
1	BOD ₅	mg/l	50
2	TSS	mg/l	100
3	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	20
4	NH ₄ ⁺ (Amoni)	mg/l	10
5	Tổng Coliforms	MPN/100 ml	5.000

*** Vị trí, phương thức xả thải và nguồn tiếp nhận nước thải:**

- Vị trí: Tọa độ vị trí xả thải: X=1578083, Y=551825 (hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 107°30', múi chiếu 3°). Địa chỉ: Xã Hòa Bình, KCN Sao Mai, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

- Phương thức xả thải: Tự chảy.

- Chế độ xả nước thải: Liên tục (24/24 giờ).

- Nguồn tiếp nhận nước thải: Đầu nối vào nhà máy xử lý nước thải tập trung KCN Sao Mai sau khi đã xử lý qua bể tự hoại 3 ngăn.

2. Nước thải sản xuất:

- **Nguồn phát sinh nước thải:** Phát sinh từ hoạt động rửa nguyên liệu được

liệu, ngâm tảo, nước vệ sinh thiết bị, nhà xưởng.

- **Lưu lượng xả nước thải tối đa:** 32 m³/ngày đêm.

* **Dòng nước thải:** 01 dòng.

Nước thải sau xử lý sơ bộ sẽ theo đường ống PVC D300 đấu nối hệ thống xử lý tập trung của KCN để xử lý đạt quy chuẩn quy định.

Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải: QCVN 40:2011/BTNMT cột B Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

Bảng 1: Giá trị giới hạn các thông số và nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải

STT	Thông số	Đơn vị	QCVN 40:2011/BTNMT cột B
1.	BOD ₅	mg/l	50
2.	Chất rắn lơ lửng TSS	mg/l	100
3.	COD	mg/l	150
4.	Amoni (tính theo N)	mg/l	10
5.	PO ₄ ³⁻	mg/l	6
6.	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	10
7.	Coliform	MPN/100ml	5.000

(Nguồn QCVN 40:2011/BTNMT)

* **Vị trí, phương thức xả thải và nguồn tiếp nhận nước thải:**

- Vị trí: Tọa độ vị trí xả thải: X=1578026, Y=551843 (hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 107°30', múi chiếu 3°). Xã Hòa Bình, KCN Sao Mai, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

- Phương thức xả thải: Tự chảy.

- Chế độ xả nước thải: Liên tục (24/24 giờ).

- Nguồn tiếp nhận nước thải: Đấu nối vào nhà máy xử lý nước thải tập trung KCN Sao Mai sau khi đã xử lý qua hệ thống xử lý sơ bộ.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Đối với nước thải sinh hoạt: Được thu gom bằng đường ống nhựa PVC từ khu nhà vệ sinh về bể tự hoại đặt ngầm trong khu vực nhà máy. Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý qua bể tự hoại 3 ngăn sẽ được dẫn qua hố thu lắng và theo đường ống PVC đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Nhà máy.

- Đối với nước thải sản xuất:

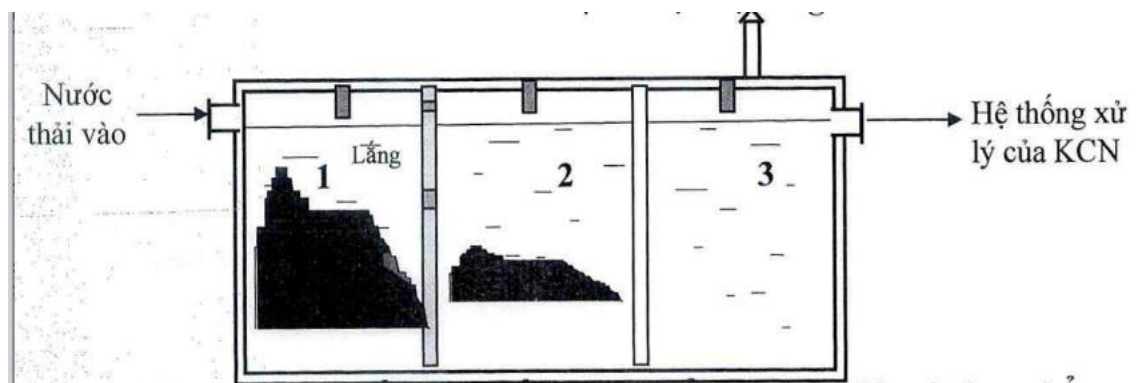
+ Nước thải từ quá trình làm sạch, sơ chế thực phẩm: Nước thải được thu về ống PVC tự chảy ra hố ga thu lắng sau đó được dẫn vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Nhà máy bằng đường ống PVC để tiếp tục xử lý.

+ Nước từ quá trình vệ sinh, làm sạch thiết bị, nhà xưởng: Nước thải từ quá trình vệ sinh, làm sạch thiết bị, nhà xưởng được thu gom bằng đường ống PVC qua các hố thu lắng và theo đường ống PVC đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung KCN Sao Mai để tiếp tục xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Nước thải sinh hoạt:

- Cấu tạo bể tự hoại: Bể tự hoại có thể tích 04 m³. Bể tự hoại ở đây có dạng hình chữ nhật, xây dựng bằng bê tông cốt thép. Bể được chia thành 3 ngăn, do phần lớn cặn lắng tập trung trong ngăn thứ nhất nên dung tích ngăn này chiếm 50% dung tích toàn bể, ngăn thứ 2, 3 của bể có dung tích bằng 25 - 35% dung tích toàn bể. Để dẫn nước thải vào và ra khỏi bể tiến hành nối ống Ø110 với một đầu ống đặt dưới lớp màng nổi, đầu khác được nhô lên phía trên để tiện kiểm tra, tẩy rửa và không cho lớp cặn nổi trong bể chảy ra đường ống.



Ghi chú:

- (1) Ngăn lắng và xử lý yếm khí.
- (2) Ngăn lắng ngang.
- (3) Ngăn xử lý hiếu khí.

Nguyên lý hoạt động của bể tự hoại:

- Bể tự hoại là công trình xử lý nước thải bậc I đồng thời thực hiện hai chức năng: Lắng cặn và lọc trước khi qua công trình tiếp theo. Hiệu quả lắng cặn trong bể tự hoại có thể đạt được từ 40% đến 60% phụ thuộc vào nhiệt độ và chế độ quản lý, vận hành bể.

- Cặn rắn được giữ lại trong bể từ 03 đến 06 tháng, trong thời gian này,

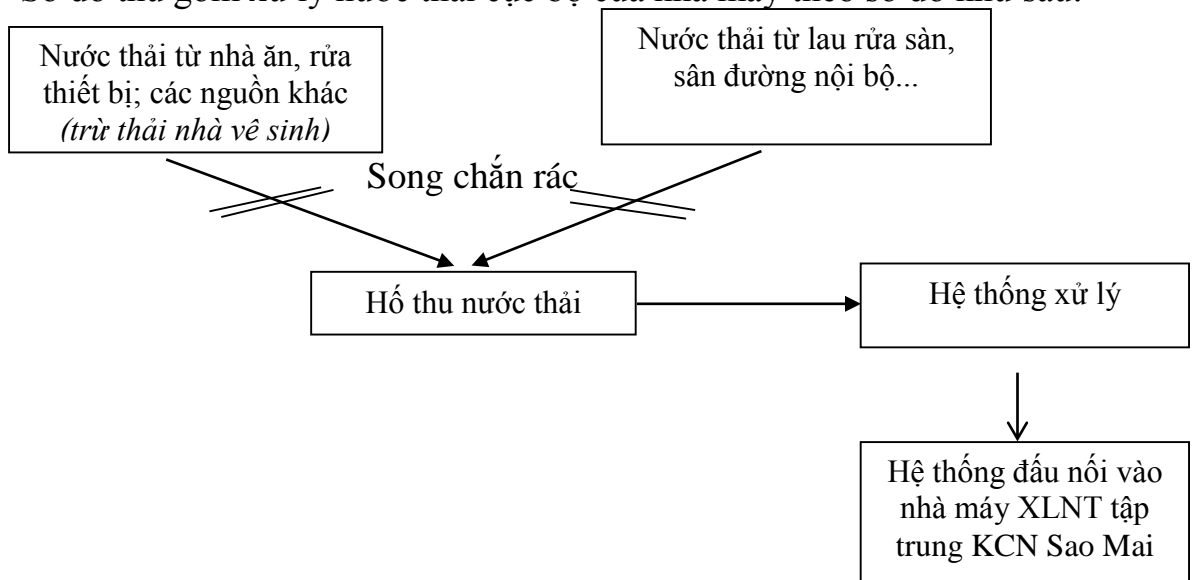
dưới ảnh hưởng của các vi sinh vật kỵ khí, các chất hữu cơ bị phân hủy, một phần tạo thành các chất khí và phần tạo thành các chất vô cơ hòa tan. Phần nước thải sẽ được dẫn qua bể lọc, còn lượng bùn dư sau thời gian lưu khoảng 02 đến 05 năm sẽ thuê xe hút chuyên dùng hút đi. Mỗi lần lấy cặn phải để lại khoảng 20% lượng cặn đã lên men để làm giống men cho bùn cặn tươi mới lắng, tạo điều kiện cho quá trình phân hủy cặn. Nước thải khi đến bể lọc, sẽ được tiến hành lọc qua lớp: than củi dày 0,2m, than xỉ dày 0,2m và gạch vỡ dày 0,2m. Sau đó sẽ tiếp tục được dẫn vào hệ thống thu hồi nước thải để đưa vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp.

- Để dẫn nước thải vào và ra khỏi bể, người ta nối ống Ø140 với một đầu ống đặt dưới lớp màng nổi, đầu khác được nhô lên phía trên để tiện kiểm tra, tẩy rửa và không cho lớp cặn nổi trong bể chảy ra đường ống.

- Bể tự hoại đang được sử dụng với nhiều ưu điểm như: Hiệu suất xử lý ổn định kể cả khi dòng nước thải đầu vào có dao động lớn; chiếm ít diện tích, giá thành rẻ và việc xây dựng, quản lý đơn giản. Hiệu suất lắng của bể đối với các chất lơ lửng: BOD 65 -75%, SS 75 – 85% và COD của nước thải giảm từ 35 - 65% và các mầm bệnh có trong phân cũng được loại bỏ một phần.

1.2.2. Nước thải sản xuất:

Sơ đồ thu gom xử lý nước thải cục bộ của nhà máy theo sơ đồ như sau:



Hình 2. Sơ đồ quy trình thu gom, xử lý nước thải sản xuất

* Thuyết minh hệ thống thu gom nước thải

Nguồn nước thải:

- Nước thải từ quá trình lau rửa sàn, sân đường nội bộ, rửa thiết bị và từ sinh hoạt ăn uống tại nhà ăn được dẫn về hệ thống thu gom nước thải và dẫn về hố thu nước thải. Nước thải sản xuất được dẫn chung về hố thu nước thải và bơm lên hệ thống xử lý nước thải (*hệ thống xử lý và lắng, lọc nước*).

- Nước thải từ nhà vệ sinh: Được thu gom về bể tự hoại 3 ngăn để thu gom xử lý kỵ khí.

Song chắn rác:

Nước thải từ sinh hoạt và sản xuất có chứa nhiều thành phần cặn, đặc biệt là các thành phần cặn kích thước lớn. Các cặn nước thải nếu được dẫn thẳng không qua chắn rác thì sẽ phân hủy làm tăng COD và BOD trong nước thải chính vì vậy cần được tách bằng song chắn rác tinh trước khi xử lý.

Hố thu nước thải: Được xây bằng xi măng và được gia cố đáy hố bằng chống thấm khỏi ảnh hưởng đến môi trường đất.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Dự án không thuộc đối tượng phải giám sát tự động, liên tục đối với nước thải.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Dự án không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm đối với công trình xử lý nước thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư, cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm trước khi xả vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Sao Mai.

- Nước thải sau xử lý phải đáp ứng các quy chuẩn kỹ thuật về môi trường hoặc yêu cầu về bảo vệ môi trường theo từng loại nước thải trước khi xả ra môi trường.

Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /UBND-GPMT ngày/...../2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Kon Tum)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải

- Nguồn số 01: Khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

2.1. Vị trí xả khí thải

- Vị trí nơi xả khí thải: Tại khu vực đặt máy phát điện dự phòng của dự án, (thuộc địa giới hành chính của xã Hòa Bình, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum).

- Toạ độ vị trí xả khí thải (hệ toạ độ VN - 2000, kinh tuyến trục $107^{\circ}30'$, múi chiếu 3°): X = 1.564.516; Y = 553.122.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: $5.544 \text{ m}^3/\text{ngày đêm} \approx 231 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Xả gián đoạn (Khi sử dụng máy phát điện dự phòng).

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với bụi, khí thải, cụ thể như sau:

- Khí thải phát sinh từ máy phát điện đạt QCVN 19:2009/BTNMT, - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp (Cột B, $K_p = 1$, $K_v = 0,8$).

Bảng 2. Bảng giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm trong khí thải

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ
1	SO ₂	mg/Nm ³	400	Không thuộc đối tượng phải quan trắc định kỳ và quan trắc tự động, liên tục.
2	CO	mg/Nm ³	800	
3	NO _x	mg/Nm ³	680	
4	Bụi tổng	mg/Nm ³	160	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục (nếu có):

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

Xả ra môi trường qua ống thải của máy phát điện dự phòng.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

Khí thải đi qua bộ lọc khí đi kèm với máy trước khi thoát ra ngoài môi trường xung quanh.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt quan trắc tự động, liên tục đối với khí thải.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

Không có.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm do không có công trình xử lý khí thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư, cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Thường xuyên kiểm tra định kỳ máy phát điện dự phòng để sửa chữa và thay mới các chi tiết bị hư hỏng.

3.3. Chủ dự án chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

Phụ lục 3

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số/UBND-GPMT ngày/...../2023
của Ủy ban nhân dân thành phố Kon Tum)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn:

- Tiếng ồn từ các phương tiện giao thông ra vào nhà máy: Đây là nguồn không liên tục, thông thường thời điểm phát sinh tiếng ồn từ các phương tiện vận chuyên nguyên vật liệu và sản phẩm tại nhà máy.

- Tiếng ồn từ các máy móc, thiết bị phục vụ quá trình sản xuất. Các nguồn này thường mang tính cục bộ, ảnh hưởng đến lao động vận hành trực tiếp.

3. Tiếng ồn phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường và QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:

- Lắp đặt, vận hành máy móc đúng quy trình quy phạm, thường xuyên kiểm tra bảo dưỡng máy móc thiết bị theo định kỳ để tránh hỏng hóc gây ra tiếng ồn bất thường nhằm giảm độ ồn.

- Trồng cây xung quan nhà máy để hạn chế tiếng ồn ảnh hưởng ra khu vực xung quanh nhà máy và cải thiện được điều kiện khí hậu trong khu vực.

- Không hoạt động quá công suất thiết kế, lắp đặt máy móc thiết bị theo đúng thiết kế, kỹ thuật.

- Không hoạt động từ 22 giờ đêm đến 6 giờ sáng ngày hôm sau. Có kế hoạch làm việc cụ thể, bố trí các xe, thiết bị hoạt động luân phiên để tránh hiện tượng cộng hưởng tiếng ồn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

Phụ lục 4**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /UBND-GPMT ngày/...../2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Kon Tum)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh:

- Khối lượng: 05kg/tháng.
- Chủng loại theo Bảng sau:

Bảng 1. Thành phần và khối lượng các loại CTNH của nhà máy

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Trạng thái tồn tại
1	Giẻ lau, bao tay dính dầu nhớt	18 02 01	Rắn
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	Rắn
3	Dầu nhớt thải	17 02 04	Lỏng
4	Mực in văn phòng, hộp mực in	08 02 04	Rắn

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

- Khối lượng: 80 kg/ngày.
- Chủng loại: Vỏ dược liệu thải bỏ, xác dược liệu, tảo Spirulina còn lại sau khi chế biến thực phẩm, bùn thải, thùng giấy vụn, hộp đựng bị hư hỏng, rác hữu cơ khi sơ chế dược liệu...

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

- Khối lượng: 44 kg/ngày.
- Chủng loại: Bao bì, nylon, vỏ chai, đồ hộp...

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:**2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:**

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng phi nhựa 120 lít, có nắp đậy.

2.1.2. Kho chứa chất thải nguy hại:

- Diện tích kho chứa: 09 m².
- Thiết kế, cấu tạo của chứa chất thải nguy hại: Kiểu kho kín, có mái che, nền bê tông cao và đặt tại nơi có cao trình đảm bảo để tránh bị ảnh hưởng bởi

mưa lũ và đảm bảo an toàn cho cán bộ công nhân viên.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Đựng trong các thùng nhựa 120 lít, có nắp đậy, đặt tại khu tập kết chất thải rắn thông thường.

- Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải: Thu gom định kỳ 1 tháng 1 lần, Công ty sẽ hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom và xử lý theo đúng quy định.

2.2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa: Đựng trong thùng chứa rác dung tích 25 lít, có nắp đậy và đặt tại các vị trí cuối hướng gió của khu vực sản xuất và khu vực văn phòng để thu gom rác hàng ngày.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Thực hiện các biện pháp phòng cháy, chữa cháy.
- Thực hiện các biện pháp an toàn về điện.
- Thực hiện các biện pháp về an toàn lao động.